

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2025/HS-ST

Ngày: 20/6/ 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương

Thẩm phán: Ông Chu Tuấn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền, ông Bùi Đức Minh và bà Bùi Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 04 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 06 năm 2025 đối với bị cáo:

*** Đặng Thị T**, sinh ngày 03/8/1970. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đặng Đức V và bà Đỗ Thị V1 (Đều đã chết), chồng là Phạm Văn D và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Còn nhỏ, sống phụ thuộc và được gia đình nuôi ăn học hết lớp 7/10. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/9/2024 sau đó chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Bị cáo trích xuất có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Hữu G - Văn phòng luật sư Phạm Hữu L và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt)

*** Bị hại:** Ông Phạm Văn D, sinh năm 1968 (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Phạm Thủy T1, sinh năm 2004,

trú tại thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Chị: Phạm Thị Ngọc Á, sinh năm 1999, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Đều có mặt)

* **Người làm chứng:** Chị Phạm Thủy T1, anh Phạm Văn Đ, anh Phạm Văn T2, anh: Phạm Văn T3, anh: Phạm Văn H, anh Phạm Đức D1, anh Phạm Văn H1, chị Trần Thị H2, chị Phạm Thị G1, anh Phạm Văn H1. anh Phạm Văn R. Đều cư trú tại thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt anh R)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phạm Văn D và Đặng Thị T là vợ chồng, có hai người con chung là chị Phạm Thị Ngọc Á và chị Phạm Thủy T1, chị T1 sống cùng bố mẹ. Quá trình sinh sống ông D và T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bản thân ông D từng bị tai nạn chấn thương vùng đầu, nên có dấu hiệu bị bệnh hoang tưởng. Từ tháng 7/2024, bệnh của ông D tái phát, thường nói nhảm, chửi bới, đánh đập T và cho rằng chị Á, chị T1 không phải là con đẻ của mình. Trưa ngày 28/9/2024, ông D tiếp tục chửi T vì cho rằng T xúi người khác nói xấu mình. Biết ông D bị bệnh, Trình dục ông đi ngủ còn T ăn cơm xong thì đi làm. Đến tối cùng ngày, sau khi gia đình ăn uống, sinh hoạt, T và ông D đi ngủ tại phòng của hai vợ chồng tại tầng 1, chị T1 ngủ ở phòng bên cạnh. Khoảng 03 giờ sáng ngày 29/9/2024, ông D dậy đi vệ sinh, cùng lúc này T cũng tỉnh giấc. Do bức xúc việc thường xuyên bị mắng chửi nên T nảy sinh ý định giết ông D. T đi theo sau ông D, trên đường đi T lấy tại khu vực để đồ gia dụng sát hiên nhà một chiếc búa (loại búa bở củi) dài 30,5 cm có 01 đầu dẹt, 01 đầu vuông. Khi ông D đang đứng để đi vệ sinh tại sân bê tông khu vực bể nước cạnh hiên nhà, mặt quay về phía bể nước, lưng quay ra sân, T cầm búa bằng tay phải tiến lại phía sau, dơ búa hướng từ trên xuống dưới đập nhiều nhát vào đầu ông D, làm ông ngã ngửa xuống nền bê tông. Chị T1 nghe thấy tiếng động nên thức giấc đi ra đứng ở cửa phòng ngủ của mình, nhìn thấy ông D đang nằm ngửa ở sân bê tông, T hai tay cầm búa đập liên tiếp vào đầu ông D, chị T1 sợ chạy vào trong giường nằm.

Sau khi dùng búa đập nhiều nhát vào đầu làm ông D bất tỉnh, T vát búa xuống sân rồi đi đến bể nước, lấy tại mặt bể 01 con dao dạng dao bầu, dài 31,5cm, T quay lại chỗ ông D nằm, tay phải cầm dao đâm một nhát trúng vùng ngực trái của ông D, rồi rút dao ném về phía khu vực để đồ gia dụng của gia đình

và đứng nhìn ông D. Khoảng 15 phút sau, kiểm tra thấy ông D đã chết, T chạy ra sân gọi em trai ông D là anh Phạm Văn Đ nhà ở bên cạnh và gọi chị T1 dậy. Sau đó chị Trần Thị H2, anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H1, anh Phạm Văn T2, anh Phạm Văn T3 và anh Phạm Đức D1, đến phụ giúp chuẩn bị tang lễ, lau rửa vết thương và khiêng ông D vào giường nằm. Khi lau rửa vết thương cho ông D, mọi người có hỏi T về các vết thương trên người ông D, thì T nói ông D bị hoang tưởng, tự gây ra cho bản thân. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày anh Phạm Văn R là trưởng thôn Tô Hồ, xã A đến hỏi thăm và được anh Đ kể việc ông D chết có dấu hiệu bất thường nên đã trình báo cơ quan công an.

Tại kết luận giám định tử thi số 1473/KLGĐTT-KTHS ngày 19/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận nguyên nhân chết của nạn nhân Phạm Văn D: Ngừng tuần hoàn do vết thương thấu tim.

Kết luận giám định số 7469B/KL-KTHS ngày 10/10/2024 của V2 Bộ C kết luận: Trong mẫu máu ghi thu của tử thi Phạm Văn D gửi giám định không tìm thấy ethanol (*cồn*) và các chất ma túy. Trong mẫu máu, phủ tạng và chất chứa trong dạ dày ghi thu của tử thi Phạm Văn D gửi giám định đều không tìm thấy các chất độc thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 61/CT-VKSTB ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Đặng Thị T về tội “*Giết người*” theo điểm n, khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị T phạm tội “*Giết người*”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thị T mức án từ 18 năm đến 20 năm tù; Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết; Đề nghị xử lý vật chứng và đề nghị bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Luật sư trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Luật sư không tranh luận về tội

danh nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo T nhất trí với lời bào chữa của Luật sư, không bổ sung tranh luận gì thêm.

Người đại diện hợp pháp của bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp quan điểm của luật sư về yêu cầu đề nghị xử bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 123 BLHS: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là có tính côn đồ nên giữ nguyên quan điểm luận tội truy tố bị cáo theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên toà, bị cáo Đặng Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã xác định. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của cháu Phạm Thủy T1 và những người làm chứng và còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Biên bản khám nghiệm tử thi; Các bản kết luận giám định của V2 Bộ C và Phòng K Công an tỉnh T cùng các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Như vậy đủ căn cứ để xác định: Cho rằng ông D thường xuyên đánh chửi vợ con, ghen tuông vô cớ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, khoảng 03 giờ ngày 29/9/2024 tại khu vực sân của gia đình ở thôn T, xã A, huyện Q Đặng Thị T có hành vi cầm chiếc búa dài 30,5 cm có 01 đầu dẹt, 01 đầu vuông đập nhiều nhát vào vùng trán, đỉnh chẩm đầu ông D sau đó tiếp tục cầm dao bầu dài 31,5 cm bằng kim loại đâm 01 nhát vào ngực trái ông D. Hậu quả ông D tử vong tại chỗ, nguyên nhân chết do ngừng tuần hoàn do vết thương thấu tim. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tính mạng của người khác được pháp luật đặc biệt bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được tính chất, mức độ, hậu quả nghiêm trọng đối với hành vi dùng hung khí nguy hiểm đâm vào những vùng trọng yếu của người khác sẽ gây thiệt hại về tính mạng nhưng bị cáo vẫn thực hiện, hậu quả làm ông D bị chết tử vong tại chỗ. Bị hại đồng thời là chồng bị cáo, vì cho rằng ông D thường xuyên đánh chửi vợ con, ghen tuông vô cớ mặc dù bị cáo vẫn có nhiều sự lựa chọn để giải thoát tâm lý nhưng không thực hiện mà đã chọn cách tước đoạt tính mạng của ông D bằng hành vi dùng búa đập nhiều nhát vào vùng trán, đỉnh chẩm đầu ông D sau đó tiếp tục cầm dao bầu đâm 01 nhát vào ngực trái ông D. Do đó hành vi của bị cáo T được xác định là thực hiện tội phạm đến cùng có tính chất côn đồ theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Điều 123: Tội Giết người.

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

.....

n) Có tính chất côn đồ;

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của công dân, mà cụ thể đã giết hại chính chồng của mình đáng ra phải được yêu thương chăm sóc, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa

phương, bị cả xã hội lên án. Bị cáo không những dùng búa đập nhiều nhát vào đầu bị hại mà tiếp tục cầm dao bầu đâm một nhát vào ngực của bị hại nên hành vi của bị cáo là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời là bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp của bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết.

[6] Các vấn đề khác liên quan đến vụ án: Đối với chị Phạm Thủy T1 nhìn thấy T cầm búa đánh ông D nhưng do lo sợ, hoảng loạn nên không dám can ngăn và không trình báo cơ quan có thẩm quyền. Chị T1 là con ruột của bị cáo, căn cứ khoản 2 Điều 19 BLHS Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị T1 về hành vi không tố giác tội phạm.

Đối với các anh Phạm Văn H, Phạm Văn T2, Phạm Văn T3, Phạm Văn Đ là những người trực tiếp lau rửa vết thương cho nạn nhân, không biết nguyên nhân chết nên không trình báo cơ quan chức năng, vì vậy không đặt ra xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 quần đùi cặp chun màu xanh tím than; 02 hộp bìa catton được niêm phong dán kín chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định, xét những vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106, Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị T phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Thị T 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự : Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 quần đùi cạp chun màu xanh tím than; 02 hộp bìa catton được niêm phong dán kín chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định của kết luận giám định.

(Tất cả vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận giữ cơ quan điều tra và Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình ngày 23 tháng 4 năm 2025).

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20/6/2025.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- Cục THADS tỉnh Thái Bình
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Thái Bình
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thái Bình
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ngô Thế Tương